

CÔNG TY CỔ PHẦN XE VÀ THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XE VÀ THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DEDICATED DEVICE AND CAR VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109062406

3. Ngày thành lập: 09/01/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2, Ngách 268/31/18, TT HVHC K159, Tổ 24, đường Ngọc Thụy, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
8.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4511(Chính)
9.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4512
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4530
11.	Cho thuê xe có động cơ (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	7710
12.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4513
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
14.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
15.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
16.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

17.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
18.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
19.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;	8559
20.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
21.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221

25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc: Nhóm này gồm: Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; Thiết kế máy móc và thiết bị; Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (Điều 10 Nghị định 43/2014/NĐ-CP) - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Lập quy hoạch xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch đô thị - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng Tư vấn quản lý dự án Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng - Hoạt động quan trắc môi trường - Tư vấn giám sát, đánh giá dự án đầu tư - Hoạt động đo đạc và bản đồ	7110
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất. - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị;	7410
27.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
28.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
29.	Sản xuất điện Chi tiết: Thủy điện; Điện gió; Điện mặt trời	3511
30.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
31.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
32.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

33.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
34.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
35.	Đúc sắt, thép	2431
36.	Đúc kim loại màu	2432
37.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
38.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
39.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
40.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
41.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
42.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
43.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
44.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
45.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
46.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
47.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
48.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
49.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
50.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
51.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
52.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
53.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
54.	Vận tải hành khách đường bộ khác Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
55.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Kinh doanh vận tải đa phương thức nội địa, vận tải đa phương thức quốc tế	4933
56.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
57.	Bốc xếp hàng hóa	5224

58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: -Kinh doanh dịch vụ Logistic (Nghị định 140/2007/NĐ-CP) -Dịch vụ đại lý tàu biển Đại lý bán vé máy bay	5229
59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
62.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
63.	Xây dựng công trình điện	4221
64.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
65.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
66.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
67.	Phá dỡ	4311
68.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự)	4312
69.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
70.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
71.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
72.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
73.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
74.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
75.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
76.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
77.	Xây dựng công trình thủy	4291
78.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
79.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
80.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
81.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
82.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
83.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
84.	Trồng lúa	0111
85.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
86.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
87.	Trồng cây mía	0114
88.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
89.	Trồng cây lấy sợi	0116

90.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
91.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
92.	Trồng cây hàng năm khác	0119
93.	Trồng cây ăn quả	0121
94.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
95.	Trồng cây điều	0123
96.	Trồng cây hồ tiêu	0124
97.	Trồng cây cao su	0125
98.	Trồng cây cà phê	0126
99.	Trồng cây chè	0127
100.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
101.	Trồng cây lâu năm khác	0129
102.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
103.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
104.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
105.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
106.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
107.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
108.	Chăn nuôi gia cầm	0146
109.	Chăn nuôi khác	0149
110.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
111.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
112.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
113.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
114.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
115.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
116.	Khai thác gỗ	0220
117.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
118.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
119.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
120.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
121.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
122.	Tái chế phế liệu	3830
123.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

Thời gian đăng từ ngày 09/01/2020 đến ngày 08/02/2020

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HỨA THỊ HƯỜNG	Thôn Lập Bái, Xã Kim Trung, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	034189005610	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000		
2	LÊ VĂN TIẾN	Thôn Lập Bái, Xã Kim Trung, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	40,000	034087006005	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	80.000	800.000.000	40,000		

3	NGUYỄN XUÂN LẬP	Thôn Tử Các, Xã Thái Hoà, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	151271919
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN LẬP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/03/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151271919

Ngày cấp: 16/04/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tử Các, Xã Thái Hoà, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tử Các, Xã Thái Hoà, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội